

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2019/HS-ST
Ngày: 29/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Lê Bửu Thiện.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Trung Diễm.

- Bà Nguyễn Thị Nhạn.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trịnh Viết Được cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Trần Xuân Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 189/2019/HSST-QĐST ngày 19 tháng 3 năm 2019, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1969, tại Đồng Nai.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký NKTT: Số 78B/4, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số 78B/4, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 7/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Trí L (đã chết) và bà Trần Thị V - Sinh năm 1937.

Có chồng: Nguyễn Thế H, sinh năm 1967. Bị cáo có 02 con, sinh năm 1990 và năm 1993.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 24/09/2018, đến ngày 03/10/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Viết T**, sinh ngày 26 tháng 4 năm 1970, tại Đồng Nai.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký NKTT: 144/7, khu phố 5B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: 144/7, khu phố 5B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1944 và bà Vũ Thị R, sinh năm 1944.

Có vợ: Vũ Thị L, sinh năm 1978. Bị cáo có 05 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2008.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 24/09/2018, đến ngày 03/10/2018 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B hủy bỏ tạm giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3/ Họ và tên: **Đào Văn L**, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1989, tại Hưng Yên.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký NKTT: 129/3, khu phố 8B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: 129/3, khu phố 8B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Đào Văn S, sinh năm 1968 và bà Pn Thị L, sinh năm 1968.

Có vợ: Quách Lê Hoài T, sinh năm 1997. Bị cáo chưa có con.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 24/09/2018, đến ngày 03/10/2018 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B hủy bỏ tạm giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4/ Họ và tên: **Đinh Văn T**, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1987, tại Phú Yên.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký NKTT: Thôn Thạch Chằm, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Tây Lạc – An Chu, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ học vấn: Lớp 6/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Đinh Văn T, sinh năm 1956 và bà Trần Thị D, sinh năm 1960.

Có vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1984. Bị cáo có 02 con, sinh năm 2007 và năm 2013.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 24/09/2018, chuyển tạm giam theo lệnh số 491 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Đến ngày 22/11/2018 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B hủy bỏ tạm giam, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5/ Họ và tên: **Lê Hoàng H**, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1991, tại Đồng Nai.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký NKTT: 79A/1, khu phố 8A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: 79A/1, khu phố 8A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Lê H, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị B, sinh năm 1965.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 24/09/2018, đến ngày 03/10/2018 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B hủy bỏ tạm giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 02/01/2019, bị bắt tạm giam theo Lệnh số 08 ngày 31/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B.

6/ Họ và tên: **Nguyễn Văn P**, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1981, tại Hải Phòng.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký NKTT: 26A/43, khu phố 7, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: 26A/43, khu phố 7, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn P, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958.

Có vợ: Hoàng Thị N, sinh năm 1983. Bị cáo có hai con, sinh năm 2005 và năm 2016.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 24/09/2018, đến ngày 03/10/2018 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B hủy bỏ tạm giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ngọc A là chủ sở hữu căn nhà số 78B/4, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, A nhờ Nguyễn Anh Hoàng (con trai A) đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào khoảng 16 giờ ngày 24/9/2018, tại phòng bếp nhà A ở địa chỉ nêu trên, A đồng ý để cho đối tượng tên Bốp (chưa rõ lai lịch) tổ chức cho Nguyễn Văn P, Lê Hoàng H cùng khoảng 3 đến 4 người khác (không rõ lai lịch, địa chỉ) đánh bạc dưới hình thức "Xóc đĩa" thắng thua bằng tiền. Sau đó, lần lượt có Nguyễn Viết T, Đào Văn L, Đinh Văn T đến và cùng vào tham gia đánh bạc. Cách thức:

Trên chiếu bạc được chia làm 02 phần "Chẵn" và "Lẻ". Một người sẽ bỏ 04 "quân vị" vào đĩa, úp bát (chén) lên đĩa, cầm xóc lên xuống nhiều lần rồi đặt xuống. Người chơi tự đặt tiền vào phần "Chẵn" hoặc phần "Lẻ" trên chiếu bạc, với số tiền đặt từ 50.000đồng/ván đến 1.000.000đồng/ván. Người xóc cũng tham gia đặt cược bên chẵn hoặc bên lẻ tùy ý như những người khác và cân đối số tiền hai bên chẵn, lẻ bằng nhau. Khi mở bát ra, nếu mặt trên của 02 hoặc 04 "quân vị" cùng màu thì được gọi là "Chẵn", người đặt cược bên "Chẵn" sẽ thắng bằng số tiền đã đặt; Nếu mặt trên của 03 "quân vị" cùng màu và 01 "con vị" khác màu thì được gọi là "Lẻ", người đặt cược bên "Lẻ" sẽ thắng bằng số tiền đã đặt. Tham gia đánh bạc được khoảng 45 phút đến 01 giờ thì người đánh bạc phải nộp 50.000đồng tiền xâu cho một nam T niên (không rõ lai lịch, địa chỉ).

Số tiền từng người sử dụng vào việc đánh bạc như sau:

- Lê Hoàng H mang theo và sử dụng 1.350.000đ để đánh bạc. H nộp tiền xâu 50.000đ, số tiền còn lại bị thua hết.

- Nguyễn Văn P đem 27.800.000đ, P sử dụng 800.000đ để đánh bạc. P thua 700.000đ, còn 100.000đ để trên chiếu bạc bị thu giữ. Khi bị bắt thu giữ trong người P 27.00.000đ không sử dụng vào việc đánh bạc.

- Nguyễn Viết T đem theo 13.900.000đ, T sử dụng 4.000.000đ để đánh bạc. T nộp tiền xâu 50.000đ và thắng 6.000.000đ. Khi bị bắt thu giữ của T 19.900.000đ, trong đó 10.000.000đ là tiền đánh bạc và 9.900.000đ không sử dụng vào việc đánh bạc.

- Đào Văn L đem theo 19.000.000đ, L sử dụng 2.000.000đ để đánh bạc. L nộp tiền xâu 50.000đ và thắng 3.500.000đ. Khi bị bắt thu giữ của L 22.500.000đ, trong đó 5.500.000đ là tiền đánh bạc và 17.000.000đ không sử dụng vào việc đánh bạc.

- Đinh Văn T đem theo và sử dụng 1.400.000đ để đánh bạc. T nộp tiền xâu 50.000đ và bị thua 1.300.000đ. Khi bị bắt thu giữ trong người T 50.000đ tiền sử dụng vào việc đánh bạc.

Đến khoảng 18 giờ 40 phút cùng ngày, P, H, T, L, T và khoảng 3 đến 4 người khác đang đánh bạc thì bị Công an thành phố B phối hợp Công an phường T phát hiện, bắt quả tang, thu giữ số tiền dùng vào việc đánh bạc đặt trên chiếu bạc là

5.200.000đ. P, H, T, L, T bị bắt giữ, những người tham gia đánh bạc khác bỏ chạy thoát.

Đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, A đến Công an phường T, thành phố B đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, A, P, H, T, L, T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Quá trình điều tra A khai: Khoảng giữa tháng 07/2018, A thỏa thuận với đối tượng Bốp (không rõ lai lịch, địa chỉ) về việc sử dụng nhà của A để Bốp tổ chức cho người khác đánh bạc dưới hình thức "Xóc đĩa" thắng thua bằng tiền, thời gian đánh bạc từ lúc 15 giờ đến 19 giờ cùng ngày, cuối buổi đánh bạc Bốp đưa tiền xâu cho A. Sau đó, Bốp đã nhiều lần đưa người vào nhà A đánh bạc như đã thỏa thuận (không xác định được số người, số lần và số tiền đánh bạc mỗi lần). A được Bốp cho 9.400.000đ.

*Vật chứng vụ án:

- 01 (một) bát; 01 (một) đĩa; 04 (bốn) “quân vị” hình tròn đường kính khoảng 1,5cm được cắt từ lá bài Tây có 01 mặt trắng, 01 mặt đen là công cụ sử dụng để đánh bạc.

- Thu giữ số tiền sử dụng đánh bạc, tổng cộng là 20.750.000đ. Gồm: 5.200.000đ thu giữ trên chiếu bạc, 5.500.000đ của Đào Văn L, 50.000đ của Đinh Văn T, 10.000.000đ của Nguyễn Viết T.

* Thu giữ số tiền 53.900.000đ không liên quan đến việc đánh bạc. Trong đó: 17.000.000đ của Đào Văn L, 9.900.000đ của Nguyễn Viết T, 27.000.000đ của Nguyễn Văn P.

* Số tài sản khác không liên quan đến đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu giữ và giao trả cho chủ sở hữu, gồm:

+ Xe mô tô biển số 60F2 - 912.64 của anh Vũ Quốc Dũng;
+ Xe mô tô biển số 60F2 - 695.96 của anh Trần Tất Đạt;
+ Xe mô tô biển số 60B8 - 731.09 của anh Bùi Tuấn Lộc;
+ Xe mô tô biển số 60V1 - 0440 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 của Nguyễn Văn P;

+ Xe mô tô biển số 60F1 - 342.81 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 của Nguyễn Viết T;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S của Đào Văn L;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S - 64G của Lê Hoàng H;

+ 01 điện thoại di động hiệu BBV của Đinh Văn T.

- Đối với xe mô tô biển số 60AK - 030.22 thu giữ tại nơi đánh bạc. Qua xác minh xác định xe thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị Ngọc Bích. Bà Bích khai bị mất trộm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nơi mất trộm) xác minh xử lý.

- Đối với xe mô tô biển số 60H1-9084 và xe mô tô biển số 60F2-195.28 thu giữ tại nơi đánh bạc, hiện chưa rõ chủ xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tách ra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

*Tại Cáo trạng số: 92/CT/VKSBH-HS ngày 30/01/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Nguyễn Thị Ngọc A về tội “Gá bạc”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Viết T, Đinh Văn T, Nguyễn Văn P, Đào Văn L và Lê Hoàng H, về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A về tội “Gá bạc” số tiền từ 50.000.000đồng đến 60.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết T về tội “Đánh bạc” số tiền từ 35.000.000đồng đến 40.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo Đào Văn L về tội “Đánh bạc” số tiền từ 30.000.000đồng đến 35.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn T về tội “Đánh bạc” số tiền từ 25.000.000đồng đến 30.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Đánh bạc” số tiền từ 25.000.000đồng đến 30.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo Lê Hoàng H về tội “ĐÁNH bạc” số tiền từ 25.000.000đồng đến 30.000.000đồng;

Trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo H, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm nào khác.

- Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào ngày 24-09-2018, tại nhà Nguyễn Thị Ngọc A ở số 78B/4, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, được sự đồng ý của A, Nguyễn Văn P, Lê Hoàng H, Đào Văn L, Nguyễn Viết T, Đinh Văn T và khoảng 3 đến 4 người khác (không rõ lai lịch, địa chỉ) đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức "Xóc đĩa" thắng, thua bằng tiền, với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 20.750.000đồng;

Do vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A đã phạm tội “Gá bạc”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Viết T, Đinh Văn T, Nguyễn Văn P, Đào Văn L và Lê Hoàng H, đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố, là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, là nguyên nhân chính làm phát sinh các loại tội phạm khác. Trong vụ án này, bị cáo A là

người chủ động tạo điều kiện cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội và thu tiền xâu, bị cáo đã hưởng lợi 9.400.000đ nên mức hình phạt của bị cáo phải cao hơn bị cáo khác; các bị cáo khác cùng cố ý thực hiện một tội phạm, mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngang nhau nên mức hình phạt có phần gần bằng nhau. Do vậy, cần có mức án nghiêm tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo và giáo dục các bị cáo, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo A đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính là 9.400.000đ; các bị cáo Nguyễn Viết T, Đinh Văn T, Nguyễn Văn P, Đào Văn L và Lê Hoàng H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[4] Xét thấy, các bị cáo nhất thời phạm tội, biết ăn năn về hành vi của mình, trong thời gian tại ngoại không vi phạm pháp luật, chấp hành các chủ trương chính sách của địa phương, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội vẫn đảm bảo việc cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội qua đó thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, nên cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng; cần tịch thu tiêu hủy, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tài sản liên quan đến việc phạm tội; trả lại tài sản do không liên quan đến việc phạm tội như sau:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bát; 01 (một) đĩa; 04 (bốn) “quân vị” hình tròn đường kính khoảng 1,5cm được cắt từ lá bài Tây có 01 mặt trắng, 01 mặt đen, là công cụ sử dụng để đánh bạc.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 20.750.000đồng đã sử dụng để đánh bạc, số tiền 9.400.000đồng của bị cáo A đã thu lợi bất chính.

- Tiếp tục tạm giữ: Số tiền 17.000.000đồng của bị cáo Đào Văn L, 9.900.000đồng của bị cáo Nguyễn Viết T và 25.000.000đồng của bị cáo Nguyễn Văn P, để đảm bảo việc thi hành án.

- Hoàn trả số tiền 2.000.000đồng của bị cáo Nguyễn Văn P, do không liên quan đến việc phạm tội.

[6] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố phù hợp với quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo Nguyễn Viết T, Đinh Văn T, Nguyễn Văn P, Đào Văn L và Lê Hoàng H phạm tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 50.000.000đồng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo H, áp dụng thêm khoản 3 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Viết T số tiền 35.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo: Đào Văn L số tiền 30.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo: Đinh Văn T số tiền 25.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn P số tiền 25.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo: Lê Hoàng H số tiền 20.000.000đồng.

Trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo Lê Hoàng H, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm nào khác.

3. Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái bát; 01 (một) cái đĩa; 04 (bốn) “quân vị” hình tròn đường kính khoảng 1,5cm, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ Số tiền 20.750.000đồng, theo biên lai thu tiền số 000370, ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Số tiền 9.400.000đồng, theo biên lai thu tiền số 000373, ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục tạm giữ: Số tiền 17.000.000đ của bị cáo Đào Văn L, số tiền 9.900.000đ của bị cáo Nguyễn Viết T và 25.000.000đ của bị cáo Nguyễn Văn P, theo biên lai thu tiền số 000370, ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố B, tỉnh Đồng Nai; để đảm bảo việc thi hành án.

- Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Văn P số tiền 2.000.000đồng, theo biên lai thu tiền số 000370, ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- UBND xã, phường
nơi bị cáo cư trú;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tp BH; Trại giam;
- TAND tỉnh;
- THAHS, DS Tp BH;
- Lưu h/s, án văn.

Dương Lê Bửu Thiện

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 29 tháng 3 năm 2019;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Lê Bửu Thiện.

- ***Các Hội thẩm nhân dân :*** - Ông Nguyễn Trung Diễn.

- Bà Nguyễn Thị Nhạn.

T hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2019, đối với:

Bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc A, (và đồng phạm)**, sinh năm 1969, tại Đồng Nai.

- Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1/ Hội thẩm nhân dân – Bà Nguyễn Thị Nhạn phát biểu:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trường hợp trả hồ sơ điều tra bổ sung.

+ Hội thẩm nhân dân – Ông Nguyễn Trung Diễn phát biểu: Thống nhất ý kiến.

+ Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa - Ông Dương Lê Bửu Thiện phát biểu: Thống nhất ý kiến.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2/ Hội thẩm nhân dân – Bà Nguyễn Thị Nhạn phát biểu:

Tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo; người tham gia tố tụng khác cung cấp; là phù hợp quy định của pháp luật.

+ Hội thẩm nhân dân – Ông Nguyễn Trung Diễn phát biểu: Thống nhất ý kiến.

+ Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa - Ông Dương Lê Bửu Thiện phát biểu: Thống nhất ý kiến.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3/ Hội thẩm nhân dân – Bà Nguyễn Thị Nhạn phát biểu:

Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc A phạm tội “Gá bạc”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Viết T, Đinh Văn T, Nguyễn Văn P, Đào Văn L và Lê Hoàng H phạm tội “ĐÁNH bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

+ Hội thẩm nhân dân – Ông Nguyễn Trung Diễn phát biểu: Thống nhất ý kiến.

+ Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa - Ông Dương Lê Bửu Thiện phát biểu: Thống nhất ý kiến.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4/ Hội thẩm nhân dân – Bà Nguyễn Thị Nhạn phát biểu:

Về Điều luật áp dụng:

* Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo H, áp dụng thêm khoản 3 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự;

* Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

* Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

+ Hội thẩm nhân dân – Ông Nguyễn Trung Diễn phát biểu: Thống nhất ý kiến.

+ Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa - Ông Dương Lê Bửu Thiện phát biểu: Thống nhất ý kiến.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5/ Hội thẩm nhân dân – Bà Nguyễn Thị Nhạn phát biểu:

*Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Ngọc A số tiền 50.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Viết T số tiền 35.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo: Đào Văn L số tiền 30.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo: Đinh Văn T số tiền 25.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn P số tiền 25.000.000đồng.

- Xử phạt bị cáo: Lê Hoàng H số tiền 20.000.000đồng.

Trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo Lê Hoàng H, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm nào khác.

* Về vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái bát; 01 (một) cái đĩa; 04 (bốn) “quân vị” hình tròn đường kính khoảng 1,5cm, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ Số tiền 20.750.000đồng, theo biên lai thu tiền số 000370, ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

+ Số tiền 9.400.000đồng, theo biên lai thu tiền số 000373, ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục tạm giữ: Số tiền 17.000.000đ của bị cáo Đào Văn L, số tiền 9.900.000đ của bị cáo Nguyễn Viết T và 25.000.000đ của bị cáo Nguyễn Văn P, theo biên lai thu tiền số 000370, ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố B, tỉnh Đồng Nai; để đảm bảo việc thi hành án.

- Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Văn P số tiền 2.000.000đồng, theo biên lai thu tiền số 000370, ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Hội thẩm nhân dân – Ông Nguyễn Trung Diễn phát biểu: Thống nhất ý kiến.

+ Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa - Ông Dương Lê Bửu Thiện phát biểu: Thống nhất ý kiến.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

6/ Hội thẩm nhân dân – Bà Nguyễn Thị Nhạn phát biểu:

Về án phí: Buộc các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

+ Hội thẩm nhân dân – Ông Nguyễn Trung Diễn phát biểu: Thống nhất ý kiến.

+ Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa - Ông Dương Lê Bửu Thiện phát biểu: Thống nhất ý kiến.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 29 tháng 3 năm 2019.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhạn

Nguyễn Trung Diễn

Dương Lê Bửu Thiện

Nơi nhận

- Bị cáo;
- UBND xã, phường
nơi bị cáo cư trú;
- VKSND Tp BH; Trại giam;
- TAND tỉnh;
- THAHS, DS Tp BH;
- Lưu h/s, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Lê Bửu Thiện

